

Biểu số: 01/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh
Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:		Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án			
										Thi hành xong	Đình chỉ									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		2.030	2.394	310	2.084	14	2	2.378	2.087	1.797	1.783	14	288	1	1	287	4	-	581	86,10%
I	Tổng số việc chủ động	1.591	1.907	181	1.726	5	-	1.902	1.736	1.630	1.619	11	106	-	-	163	3	-	272	93,89%
1	Dân sự	164	213	15	198	1	-	212	196	184	184	-	12	-	-	15	1	-	28	93,88%
2	Kinh doanh, thương mại	8	9	-	9	-	-	9	9	5	5	-	4	-	-	-	-	-	4	55,56%
3	Tín dụng	2	4	-	4	-	-	4	4	1	1	-	3	-	-	-	-	-	3	25,00%
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	1	1	1	-	-	-	1	1	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
5	DS trong hình sự (các tội XPTTrQLKT)	54	72	8	64	-	-	72	63	62	62	-	1	-	-	7	2	-	10	98,41%
6	DS trong hình sự (khác)	890	1.073	152	921	4	-	1.069	932	860	849	11	72	-	-	137	-	-	209	92,27%
7	DS trong hành chính	13	15	1	14	-	-	15	15	14	14	-	1	-	-	-	-	-	1	93,33%
8	Hôn nhân và gia đình	459	517	4	513	-	-	517	513	501	501	-	12	-	-	4	-	-	16	97,66%
9	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
13	Loại khác	1	3	-	3	-	-	3	3	2	2	-	1	-	-	-	-	-	1	66,67%
II	Tổng số việc theo yêu cầu	439	487	129	358	9	2	476	351	167	164	3	182	1	1	124	1	-	309	47,58%
1	Dân sự	97	114	47	67	-	1	113	86	44	42	2	40	1	1	26	1	-	69	51,16%
2	Kinh doanh, thương mại	2	2	1	1	-	-	2	1	-	-	-	1	-	-	1	-	-	2	0,00%
3	Tín dụng	1	4	-	4	-	-	4	4	-	-	-	4	-	-	-	-	-	4	0,00%
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	DS trong hình sự (các tội XPTTrQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	DS trong hình sự (khác)	115	133	56	77	1	-	132	72	64	64	-	8	-	-	60	-	-	68	88,89%
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Hôn nhân và gia đình	224	233	24	209	8	1	224	188	59	58	1	129	-	-	36	-	-	165	31,38%
9	Lao động	1	1	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Ba Duy

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nông Tiến Dũng

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
1	Số đình chỉ thi hành án	11	3
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	-	-
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	-
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50	-	2
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	-	1
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	11	-
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	Trường hợp khác	-	1
2.1	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-
2.2	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	-	-
2.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền	-	1
3	Số hoãn thi hành án	3	2
3.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	-
3.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
3.3	Điểm c khoản 1 Điều 48	-	1
3.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	3	1
3.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	-	-
3.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
3.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
3.8	Điểm h khoản 1 Điều 48	-	-
3.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
4	Số tạm đình chỉ thi hành án	-	-
4.1	Khoản 1 Điều 49	-	-
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
5	Số chưa có điều kiện theo Điều 44a	163	124
5.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	159	115
5.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	-
5.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	4	9
5.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
6	Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng	125	96

*Ghi chú: Mục (6) Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng có sổ theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

Biểu số: 02/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG TIỀN
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân sự

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoàn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án		
										Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		96.531.183	26.710.370	69.820.813	803.014	114.281	95.613.888	70.190.847	38.802.398	38.051.474	581.034	169.890	30.888.449	500.000	-	22.370.774	3.052.267	-	56.811.490	55,28%
I	Tổng số việc chủ động	22.823.914	4.790.497	18.033.417	482.564	-	22.341.350	14.822.255	13.472.178	13.193.627	108.661	169.890	1.350.077	-	-	5.195.707	2.323.388	-	8.869.172	90,89%
1	Dân sự	1.120.043	314.602	805.441	2.292	-	1.117.751	776.245	575.589	558.817	-	16.772	200.656	-	-	315.752	25.754	-	542.162	74,15%
2	Kinh doanh, thương mại	104.299	-	104.299	-	-	104.299	104.299	35.821	35.821	-	-	68.478	-	-	-	-	-	68.478	34,34%
3	Tin dụng	132.300	-	132.300	-	-	132.300	132.300	1.540	1.540	-	-	130.760	-	-	-	-	-	130.760	1,16%
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	11.366	11.366	-	-	-	11.366	11.366	11.366	2.000	9.366	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	4.130.781	865.194	3.265.587	-	-	4.130.781	1.044.078	1.044.056	1.035.481	-	8.575	22	-	-	789.069	2.297.634	-	3.086.725	100,00%
6	DS trong hình sự (khác)	16.717.019	3.501.919	13.215.100	473.847	-	16.243.172	12.199.102	11.327.739	11.083.901	99.295	144.543	871.363	-	-	4.044.070	-	-	4.915.433	92,86%
7	DS trong hành chính	75.200	71.600	3.600	-	-	75.200	75.200	3.600	3.600	-	-	71.600	-	-	-	-	-	71.600	4,79%
8	Hôn nhân và gia đình	532.396	25.816	506.580	6.425	-	525.971	479.155	471.962	471.962	-	-	7.193	-	-	46.816	-	-	54.009	98,50%
9	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	510	-	510	-	-	510	510	505	505	-	-	5	-	-	-	-	-	5	99,02%
II	Tổng số việc theo yêu cầu	73.707.269	21.919.873	51.787.396	320.450	114.281	73.272.538	55.368.592	25.330.220	24.857.847	472.373	-	29.538.372	500.000	-	17.175.067	728.879	-	47.942.318	45,75%
1	Dân sự	38.662.799	14.457.330	24.205.469	17.000	102.281	38.543.518	28.596.488	19.675.514	19.297.441	378.073	-	8.420.974	500.000	-	9.218.151	728.879	-	18.868.004	68,80%
2	Kinh doanh, thương mại	1.866.580	1.782.273	84.307	-	-	1.866.580	84.307	-	-	-	-	84.307	-	-	1.782.273	-	-	1.866.580	0,00%
3	Tin dụng	20.147.878	-	20.147.878	-	-	20.147.878	20.147.878	30.981	30.981	-	-	20.116.897	-	-	-	-	-	20.116.897	0,15%
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	DS trong hình sự (các tội XPTrTQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	6.870.308	4.319.465	2.550.843	194.950	-	6.675.358	2.023.320	1.932.759	1.903.959	28.800	-	90.561	-	-	4.652.038	-	-	4.742.599	95,52%
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	5.069.450	270.551	4.798.899	108.500	12.000	4.948.950	4.466.599	3.640.966	3.575.466	65.500	-	825.633	-	-	482.351	-	-	1.307.984	81,52%
9	Lao động	1.090.254	1.090.254	-	-	-	1.090.254	50.000	50.000	50.000	-	-	-	-	-	1.040.254	-	-	1.040.254	100,00%
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ba Duy

Nông Tiến Dũng

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
1	Số đình chỉ thi hành án	108.661	472.373
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	500	59.500
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	-
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50	-	412.872
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	-	1
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	108.161	-
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	Trường hợp khác	-	-
2.1	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại	-	-
2.2	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	-	-
2.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền	-	-
3	Số hoãn thi hành án	2.323.388	1.228.879
3.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	-
3.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
3.3	Điểm c khoản 1 Điều 48	-	500.000
3.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	2.323.388	728.879
3.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	-	-
3.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
3.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
3.8	Điểm h khoản 1 Điều 48	-	-
3.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
4	Số tạm đình chỉ thi hành án	-	-
4.1	Khoản 1 Điều 49	-	-
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
5	Số chưa có điều kiện theo Điều 44a	5.195.707	17.175.067
5.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	5.168.441	17.080.132
5.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	-
5.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	27.266	94.935
5.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
6	Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng	12.850.916	7.193.359

*Ghi chú: Mục (6) Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng có sổ theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

Biểu số: 03/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
10 tháng/năm 2020

Đơn vị tính: Bàn án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo đôi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Đang thi hành	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo đôi riêng)	Hoãn thi hành án			Tạm đình chỉ thi hành án
										Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án	Chia ra:								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I	Tổng số việc	1.020	1.271	162	1.109	1	-	1.270	1.127	1.022	1.016	6	-	105	-	140	3	-	248	90,68%	
II	Tổng số tiền	-	20.404.830	4.862.409	15.542.421	477.176	-	19.927.654	12.389.281	11.026.649	10.767.584	108.661	150.404	1.362.632	-	5.214.985	2.323.388	-	8.901.005	89,00%	
1	Án phí	-	2.592.669	1.109.261	1.483.408	26.145	-	2.566.524	1.524.982	860.057	788.272	27.143	44.642	664.925	-	1.015.788	25.754	-	1.706.467	56,40%	
2	Lệ phí	-	1.200	-	1.200	-	-	1.200	1.200	1.200	1.200	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%	
3	Phạt	-	3.301.386	1.597.954	1.703.432	55.455	-	3.245.931	1.934.726	1.726.171	1.627.604	65.566	33.001	208.555	-	1.311.205	-	-	1.519.760	89,22%	
4	Tịch thu	-	3.291.958	387.335	2.904.623	980	-	3.290.978	1.985.388	1.892.906	1.877.400	9.926	5.580	92.482	-	1.171.540	134.050	-	1.398.072	95,34%	
5	Truy thu	-	5.163.139	1.690.607	3.472.532	393.261	-	4.769.878	889.842	684.348	678.322	6.026	-	205.494	-	1.716.452	2.163.584	-	4.085.530	76,91%	
6	Thu khác	-	6.054.478	77.252	5.977.226	1.335	-	6.053.143	6.053.143	5.861.967	5.794.786	-	67.181	191.176	-	-	-	-	191.176	96,84%	

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ba Duy

Nông Tiên Dũng

Biểu số: 04/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO CƠ
QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh
Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân
Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án				
										Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành				Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác		
											Thi hành xong	Đình chỉ								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		2.030	2.394	310	2.084	14	2	2.378	2.087	1.797	1.783	14	288	1	1	287	4	-	581	86,10%
I	Cục Thi hành án DS	138	202	36	166	-	-	202	174	146	144	2	28	-	-	26	2	-	56	83,91%
II	Các Chi cục THADS	1.892	2.192	274	1.918	14	2	2.176	1.913	1.651	1.639	12	260	1	1	261	2	-	525	86,30%
1	Thanh phố	458	529	84	445	-	-	529	453	367	362	5	85	1	-	74	2	-	162	81,02%
2	Hòa An	267	320	49	271	9	-	311	266	238	236	2	28	-	-	45	-	-	73	89,47%
3	Hà Quảng	109	153	37	116	-	-	153	115	92	91	1	23	-	-	38	-	-	61	80,00%
4	Quảng Hòa	263	263	15	248	1	-	262	247	223	222	1	24	-	-	15	-	-	39	90,28%
5	Trùng Khánh	287	322	29	293	1	2	319	292	267	266	1	24	-	1	27	-	-	52	91,44%
6	Hạ Lang	135	146	21	125	1	-	145	124	111	110	1	13	-	-	21	-	-	34	89,52%
7	Thạch An	78	101	8	93	1	-	100	91	74	74	-	17	-	-	9	-	-	26	81,32%
8	Nguyễn Bình	102	115	16	99	-	-	115	99	84	84	-	15	-	-	16	-	-	31	84,85%
9	Bảo Lạc	103	114	7	107	-	-	114	105	98	97	1	7	-	-	9	-	-	16	93,33%
10	Bảo Lâm	90	129	8	121	1	-	128	121	97	97	-	24	-	-	7	-	-	31	80,17%

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ba Duy

Nông Tiến Dũng

Biểu số: 05/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIỆN
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 VND và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn theo điểm c k1, Đ 48	Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án			
									Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		96.531.183	26.710.370	69.820.813	803.014	114.281	95.613.888	70.190.847	38.802.398	38.051.474	581.034	169.890	30.888.449	500.000	-	22.370.774	3.052.267	-	56.811.490	55,28%
I	Cục Thi hành án DS	44.564.078	5.911.503	38.652.575	533.119	-	44.030.959	38.802.511	15.196.915	15.148.165	29.264	19.486	23.605.596	-	-	2.930.814	2.297.634	-	28.834.044	39,16%
II	Các Chi cục THADS	51.967.105	20.798.867	31.168.238	269.895	114.281	51.582.929	31.388.336	23.605.483	22.903.309	551.770	150.404	7.282.853	500.000	-	19.439.960	754.633	-	27.977.446	75,20%
1	Thanh phố	29.877.150	10.502.531	19.374.619	50.900	-	29.826.250	19.832.481	13.391.490	12.918.838	406.681	65.971	5.940.991	500.000	-	9.239.136	754.633	-	16.434.760	67,52%
2	Hòa An	4.355.061	3.011.266	1.343.795	76.431	-	4.278.630	1.692.605	1.404.574	1.327.817	71.882	4.875	288.031	-	-	2.586.025	-	-	2.874.056	82,98%
3	Hà Quảng	1.413.642	859.524	554.118	16.600	-	1.397.042	561.681	445.776	445.775	1	-	115.905	-	-	835.361	-	-	951.266	79,36%
4	Quảng Hòa	4.757.682	2.414.443	2.343.239	70.204	-	4.687.478	2.035.629	1.783.077	1.777.051	6.026	-	252.552	-	-	2.651.849	-	-	2.904.401	87,59%
5	Trùng Khánh	3.299.601	560.176	2.739.425	19.050	114.281	3.166.270	2.684.699	2.590.370	2.486.847	27.528	75.995	94.329	-	-	481.571	-	-	575.900	96,49%
6	Hạ Lang	2.151.622	1.002.291	1.149.331	9.800	-	2.141.822	1.191.599	1.054.109	1.049.757	4.352	-	137.490	-	-	950.223	-	-	1.087.713	88,46%
7	Thạch An	797.128	138.457	658.671	10.188	-	786.940	619.383	532.456	532.456	-	-	86.927	-	-	167.557	-	-	254.484	85,97%
8	Nguyễn Bình	3.121.822	2.079.446	1.042.376	200	-	3.121.622	1.016.923	952.839	952.839	-	-	64.084	-	-	2.104.699	-	-	2.168.783	93,70%
9	Bảo Lạc	1.270.524	107.555	1.162.969	10.122	-	1.260.402	959.701	878.675	843.875	34.800	-	81.026	-	-	300.701	-	-	381.727	91,56%
10	Bảo Lâm	922.873	123.178	799.695	6.400	-	916.473	793.635	572.117	568.054	500	3.563	221.518	-	-	122.838	-	-	344.356	72,09%

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Ba Duy

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nông Tiến Dũng

Biểu số: 06/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ, XÉT MIỄN VÀ GIẢM NGHĨA VỤ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân
sự tỉnh Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi
hành án dân sự
Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Số đề nghị xét miễn		Số đã được xét miễn		Số đề nghị giảm		Số đã được xét giảm	
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A		1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số		14	108.161	14	108.161	23	169.890	23	169.890
I	Cục Thi hành án DS	2	29.264	2	29.264	3	19.486	3	19.486
II	Các Chi cục THADS	12	78.897	12	78.897	20	150.404	20	150.404
1	Thanh phố	6	36.991	6	36.991	12	65.971	12	65.971
2	Hòa An	1	4.000	1	4.000	1	4.875	1	4.875
3	Hà Quảng	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Quảng Hòa	1	6.026	1	6.026	-	-	-	-
5	Trùng Khánh	3	27.528	3	27.528	6	75.995	6	75.995
6	Hạ Lang	1	4.352	1	4.352	-	-	-	-
7	Thạch An	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Nguyên Bình	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Bảo Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Bảo Lâm	-	-	-	-	1	3.563	1	3.563

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Ba Duy

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nông Tiến Dũng

Biểu số: 07/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự
tỉnh Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án
dân sự

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc đã ra quyết định cưỡng chế	Chia ra:		Kết quả cưỡng chế	Chia ra:			
			Cưỡng chế không huy động lực lượng	Cưỡng chế có huy động lực lượng		Đương sự tự nguyện trước khi cưỡng chế	Cưỡng chế thành công	Cưỡng chế không thành công	Chưa tổ chức cưỡng chế
A		1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số		9	9	-	9	-	9	-	-
I	Cục Thi hành án DS	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	9	9	-	9	-	9	-	-
1	Thanh phố	5	5	-	5	-	5	-	-
2	Hòa An	3	3	-	3	-	3	-	-
3	Hà Quảng	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Quảng Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Trùng Khánh	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Hạ Lang	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Thạch An	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Nguyen Bình	1	1	-	1	-	1	-	-
9	Bảo Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Bảo Lâm	-	-	-	-	-	-	-	-

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đình Ba Duy

Nông Tiến Dũng

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
10 tháng/năm 2020

Đơn vị nhân báo cáo: Tổng cục Thi hành

[illegible]

2.1.5.2	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.6	Chi cục THADS Hạ Lang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.6.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.7.2	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.7	Chi cục THADS Thạch An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.7.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.7.2	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.8	Chi cục THADS Nguyên Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.8.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.8.2	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.9	Chi cục THADS Bảo Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.9.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.9.2	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.10	Chi cục THADS Bảo Lâm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.10.1	Khiếu nại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1.10.2	Tổ cáo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ba Duy

Nông Tiến Dũng

Biểu số: 09/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

TIẾP CÔNG DÂN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án
dân sự tỉnh Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi

Đơn vị tính: Việc, Đoàn và Lượt

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng			Đoàn đông người			Lãnh đạo cơ quan tiếp			Số việc tiếp nhận (việc)							Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền		
											Chia theo nội dung				Chia theo thẩm quyền					
		Số lượt	Số người	Số vụ việc	Số đoàn	Số người	Số vụ việc	Số lượt	Số người	Số vụ việc	Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:				
												Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh		Thuộc thẩm quyền	Khác	Tổng số	Số đã giải quyết	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		3	3	3	0	0	0	3	3	3	3	2	1	0	3	3	0	3	3	0
1	Cục THADS	2	2	2	0	0	0	2	2	2	2	2	0	0	2	2	0	2	2	0
2	Chi cục THADS Thành phố	1	1	1	0	0	0	1	1	1	1	0	1	0	1	1	0	1	1	0
3	Chi cục THADS Hòa An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chi cục THADS Hà Quảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Chi cục THADS Quảng Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Chi cục THADS Trùng Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Chi cục THADS Hạ Lang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Chi cục THADS Thạch An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Chi cục THADS Nguyên Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Chi cục THADS Bảo Lạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Chi cục THADS Bảo Lâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ba Duy

Nông Tiến Dũng

Biểu số: 10/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân sự

Số TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám sát (cuộc)								Kết quả thực hiện kháng nghị kiểm sát (cuộc)							Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm sát (bản kiến nghị)						
		Tổng số cuộc	Cơ quan giám sát				Kết quả thực hiện kết luận giám sát			Tổng số kháng nghị đã nhận	Kháng nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kháng nghị khác			Tổng số kiến nghị đã nhận	Kiến nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kiến nghị khác		
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Khác	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Tổng số		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11	10	-	-	1	-	-
I	Cục Thi hành án dân sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	9	-	-	1	-	-
1	Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
2	Hòa An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
3	Hà Quảng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
4	Quảng Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-
5	Trùng Khánh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
6	Hạ Lang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Thạch An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
8	Nguyên Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-
9	Bảo Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-
10	Bảo Lâm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	-

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
NGƯỜI LẬP BIỂU

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đinh Ba Duy

Nông Tiến Dũng

Biểu số: 11/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc và 1.000 VN đồng

Số TT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc thụ lý			Kết quả giải quyết								Kết quả chi trả				Kết quả thực hiện hoàn trả			
		Tổng số	Chia ra:		Số việc chưa có bản án, quyết định giải quyết bồi thường	Đã có bản án, quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật						Đã được cấp kinh phí bồi thường		Đã chi trả cho người bị thiệt hại		Đã có Quyết định hoàn trả có hiệu lực pháp luật		Đã thực hiện hoàn trả		
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Tổng số		Chia ra:												
								Năm trước chuyển sang		Trong kỳ báo cáo										
						Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
Tổng số		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Cục Thi hành án DS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Các Chi cục THADS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Thành phố	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hòa An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Hà Quảng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Quảng Hòa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Trùng Khánh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Hạ Lang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Thạch An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Nguyên Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Bảo Lạc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Bảo Lâm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Ba Duy

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nông Tiến Dũng

Biểu số: 12/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 21 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THEO DÕI VIỆC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH
10 tháng/năm 2020

Đơn vị báo cáo: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc

Số TT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận từ Tòa án nhân dân	Chia ra:			Số QĐ buộc THAHC được Tòa án nhân dân chuyển giao cho cơ quan THADS chia theo nội dung theo dõi	Chia ra:				Tổng số	Kết quả theo dõi thi hành án hành chính										Số trường hợp người phải thi hành án bị xử lý trách nhiệm theo kiến nghị của cơ quan THADS
			Tổng số bản án, quyết định có nội dung theo dõi	Chia ra:			Số bản án, quyết định đã ra thông báo tự nguyện THA	Số quyết định buộc thi hành án hành chính đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS làm việc với người phải thi hành án	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý do không chấp hành án		Chia ra:										
				Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới							Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi đã thi hành xong	Chia ra:				Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi chưa thi hành xong	Chia ra:				
													Kỳ trước chuyển sang		Thụ lý mới							
													Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC	Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án không có QĐ buộc THAHC						
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
Tổng số		11	3	0	3	8	2	2	2	2	0	3	2	0	0	1	1	1	0	1	0	
I	Cục THADS	11	3	0	3	8	2	2	2	2	0	3	2	0	0	1	1	1	0	1	0	
II	Các Chi cục THADS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Thành phố	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Hòa An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Hà Quảng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Quảng Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Trùng Khánh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Hạ Lang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Thạch An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Nguyễn Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Bảo Lạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	Bảo Lâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đinh Ba Duy

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2020

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nông Tiến Dũng

PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ CHUYỂN THEO DÕI RIÊNG

10 tháng/ năm 2020

Đơn vị tính: việc và 1.000 đồng

TT	Tiêu chí	Việc			Tiền		
		Năm trước chuyển sang (chưa trừ theo dõi riêng)	Chưa có điều kiện (chưa trừ theo dõi riêng)	Chuyển theo dõi riêng	Năm trước chuyển sang (chưa trừ theo dõi riêng)	Chưa có điều kiện (chưa trừ theo dõi riêng)	Chuyển theo dõi riêng
I	Tổng số việc chủ động	306	288	125	17.641.413	18.046.623	12.850.916
1	Dân sự	21	21	6	426.583	427.733	111.981
2	Kinh doanh, thương mại	-	-	-	-	-	-
3	Tín dụng	-	-	-	-	-	-
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	3	2	2	1.605.654	1.594.288	1.594.288
5	DS trong hình sự (các tội XPTTrQLKT)	10	9	2	5.378.403	5.302.278	4.513.209
6	DS trong hình sự (khác)	266	251	114	10.128.157	10.670.308	6.626.238
7	DS trong hành chính	1	-	-	71.600	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	5	5	1	31.016	52.016	5.200
9	Lao động	-	-	-	-	-	-
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-
II	Tổng số việc theo yêu cầu	225	220	96	29.113.232	24.368.426	7.193.359
1	Dân sự	62	41	15	18.290.477	13.051.298	3.833.147
2	Kinh doanh, thương mại	2	2	1	2.690.248	2.690.248	907.975
3	Tín dụng	-	-	-	-	-	-
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	-	-	-	-	-	-
5	DS trong hình sự (các tội XPTTrQLKT)	-	-	-	-	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	107	111	51	6.508.702	6.841.275	2.189.237
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	53	65	29	533.551	745.351	263.000
9	Lao động	1	1	-	1.090.254	1.040.254	-
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-
11	Trọng tài Thương mại	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-